

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
5	Đường điện sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bản Huổi Toóng 1, 2 xã Huổi Lèng		4.000	4.000	4.000									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
6	Đường giao thông bản Lũng Thảng 2 - bản Pa Soan 1, xã Huổi Mí	Số 5042/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	16.500	16.500	16.500						9.000			
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		15.920	15.920	15.920					11.144		4.776		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		15.920	15.920	15.920					11.144		4.776		
1	Đường giao thông QL12 - bản Pù Chá, xã Mường Mươn	Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	15.920	15.920	15.920					11.144		4.776		
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		21.303	21.303	21.303					12.782		8.521		
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		21.303	21.303	21.303					12.782		8.521		
1	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ, huyện Mường Chà	Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	9.403	9.403	9.403					5.642		3.761		
2	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Năm He, huyện Mường Chà	Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	5.100	5.100	5.100					3.060		2.040		
3	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải, huyện Mường Chà	Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	6.800	6.800	6.800					4.080		2.720		
B2.8	HUYỆN TỬA CHÙA		114.243	114.243	114.243					31.495		59.309		
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.800	2.800	2.800					-		2.800		
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		2.800	2.800	2.800					-		2.800		
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		2.800	2.800	2.800					-		2.800		
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa		2.800	2.800	2.800									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		20.022	20.022	20.022						9.516			
a	Dự án khởi công mới năm 2023		20.022	20.022	20.022						9.516			
1	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sô, xã Huổi Sô huyện Tủa Chùa		20.022	20.022	20.022									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		65.368	65.368	65.368				17.495		34.940			
III.1	Đầu tư CSHT		19.878	19.878	19.878						13.445			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		19.878	19.878	19.878						13.445			
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi sô, xã Huổi Sô		9.373	9.373	9.373									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
2	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi sô, xã Huổi Sô		2.335	2.335	2.335									
3	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi sô, xã Huổi Sô		1.830	1.830	1.830									
4	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi sô, xã Huổi Sô		4.060	4.060	4.060									
5	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi sô, xã Huổi Sô		2.280	2.280	2.280									
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		34.990	34.990	34.990				17.495		17.495			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		34.990	34.990	34.990				17.495		17.495			
1	Đường Trung tâm xã Mường Đun- bản Hột	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	14.990	14.990	14.990				7.495		7.495			
1	Tuyến đường từ Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xã Phình - Tả Sin Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bản Phò- Càng Phình), huyện Tủa Chùa	Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	20.000	20.000	20.000				10.000		10.000			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN		10.500	10.500	10.500				-		4.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		10.500	10.500	10.500				-		4.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
1	Chợ Huồi Lông xã Huồi Sô		10.500	10.500	10.500									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		26.053	26.053	26.053				14.000			12.053		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.053	26.053	26.053				14.000			12.053		
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thằng	Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	12.853	12.853	12.853				7.000			5.853		
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sinh Phình	Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.200	13.200	13.200				7.000			6.200		
B2.9	HUYỆN NẬM PỐ		153.650	144.743	144.743				48.641			79.045		
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		11.500	11.500	11.500				-			7.000		
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		11.500	11.500	11.500				-			7.000		
a)	Các dự án khởi công mới 2023		11.500	11.500	11.500				-			7.000		
1	Nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Hỷ	Số: 2363/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	6.000							3.500		
2	Nước sinh hoạt Nậm Nhừ 1, trung tâm xã Nậm Nhừ	Số: 2364/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.500	5.500	5.500							3.500		
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		104.500	95.593	95.593				30.436			55.600		
III.1	Đầu tư CSHT		65.000	56.093	56.093				15.936			30.600		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		22.000	22.000	22.000				15.400			6.600		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
1	Đường bê tông nội bộ bản Huổi Cơ Dao,Lai Khoang, Nà Hỳ 1,2 xã Nà Hỳ, huyện Năm Pồ	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	9.000	9.000	9.000			6.300			2.700			
2	Đường bê tông liên bản Nà Hỳ 3 - Nà Hỳ 2 xã Nà Hỳ, huyện Năm Pồ	Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 7/2/2022	3000	3000	3.000			2.100			900			
3	Nâng cấp đường vào bản Huổi Khương xã Pa Tần, huyện Năm Pồ	Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	10.000	10.000	10.000			7.000			3.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		35.000	26.093	26.093			536			20.000			
1	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Năm Pồ, huyện Năm Pồ	Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	26.093	26.093			536			20.000			
c)	Các dự án khởi công mới năm 2023		8.000	8.000	8.000			-			4.000			
1	Cầu qua suối Năm Khăn, xã Năm Khăn, huyện Năm Pồ		8.000	8.000	8.000									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			
1	Nâng cấp đường Nà Khoa - Nậm Nhừ	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		37.650	37.650	37.650			18.205			16.445			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		30.650	30.650	30.650			18.205			12.445			
1	Trường PTDTBT tiểu học Nà Hỳ số 2, xã Nà Hỳ, huyện Năm Pồ	Quyết định số 2047/ QĐ-UBND ngày 12/11/2021	14.400	14.400	14.400			10.080			4.320			
1	Trường PTDTBT THCS Nà Co Sa, xã Nà Co Sa, huyện Năm Pồ	Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	16.250	16.250	16.250			8.125			8.125			
b)	Dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	7.000			-			4.000			
1	Trường PTDTBT TH Nà Khoa, huyện Năm Pồ	Số 2375/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	7.000	7.000	7.000						4.000			
B2.10	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			

64

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước					Thanh toán nợ XDCB
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		5.697	5.426	5.426			-			2.500			
III.1	Đầu tư CSHT		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			
a)	Dự án Khởi công mới 2023		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			
1	Đường giao thông lên bản Huổi Mìn, phường Sông Đà	QĐ số 761/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	5.697	5.426	5.426						2.500			

65

Biểu số 7

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 355/BC-UBND ngày 2 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		1.193.270	1.193.270	1.256.868	0	0	464.715			435.974			
A1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)		55.332	55.332	63.332	0	0	23.331			20.844			
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		47.586	47.586	55.586	0	0	18.041			18.758			
I.1	Trường Cao đẳng nghề Điện Biên		25.500	25.500	25.500			13.237			8.680			
I.2	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên		8.014	8.014	16.014			4.804			3.460			
I.3	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên		14.072	14.072	14.072			0			6.618			
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
II.1	Sở Lao động - TBXH		7.746	7.746	7.746			5.290			2.086			
A2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1 – Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.)		1.137.938	1.137.938	1.193.536	0	0	441.384			415.130			
1	Huyện Nậm Pồ		201.310	201.310	201.310			69.244			62.000			
2	Huyện Mường Ảng		153.310	153.310	158.406			59.131			53.000			
3	Huyện Tủa Chùa		143.753	143.753	177.263			51.143			59.000			
4	Huyện Mường Chà		140.000	140.000	159.500			66.133			59.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Huyện Điện Biên Đông		185.070	185.070	159.070			63.799			57.000			
6	Huyện Tuần Giáo		181.000	181.000	169.787			67.689			60.000			
7	Huyện Mường Nhé		133.495	133.495	168.200			64.245			65.130			
A3	VỐN ĐỐI ỨNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ (DA đầu tư bằng 1 nguồn vốn)													
B	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ		1.193.218	1.193.218	1.282.029	0	0	469.726			435.974			
B1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)		55.280	55.280	63.280	0	0	26.531			20.844			
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		47.534	47.534	55.534	0	0	21.241			18.758			
I.1	Trường Cao đẳng nghề		25.500	25.500	25.500	0	0	16.437			8.680			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		25.500	25.500	25.500	0	0	16.437			8.680			
1	Nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ: Cổng, nhà bảo vệ, sân, tường rào và rãnh thoát nước nội bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1440/QĐ-UBND 14/8/2022	6.500	6.500	6.500			4.000			2.400			
2	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1405/QĐ-UBND 13/8/2022	4.500	4.500	4.500			4.200			200			
3	Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá 3 tầng Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1442/QĐ-UBND 14/8/2022	8.500	8.500	8.500			3.237			5.080			
4	Nâng cấp cải tạo nhà hội trường, Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1443/QĐ-UBND 14/8/2022	6.000	6.000	6.000			5.000			1.000			

67

07

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I.2	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên		8.014	8.014	16.014	0	0	4.804			3.460			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		8.014	8.014	8.014	0	0	4.804			3.160			
1	Sửa chữa, cải tạo nhà thực hành quản trị nhà hàng khách sạn, Nhà ký túc xá và hạng mục phụ trợ	1406/QĐ-UBND 13/8/2022	8.014	8.014	8.014			4.804			3.160			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		0	0	8.000	0	0	0			300			
1	Khu ký túc xá cho học sinh dân tộc nội trú				8.000			0			300			
I.3	Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên		14.020	14.020	14.020	0	0	0			6.618			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	7.000	0	0	0			6.118			
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà ký túc xá 3 tầng HSSV khu A Trường Cao đẳng y tế Điện Biên		7.000	7.000	7.000			0			6.118			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		7.020	7.020	7.020	0	0	0			500			
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà lớp học 4 tầng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên		7.020	7.020	7.020			0			500			
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			

04

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên	1407/QĐ-UBND 13/8/2022; 2010/QĐ-UBND 01/11/2022	7.746	7.746	7.746			5.290			2.086			TT dứt điểm
B2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo)		1.137.938	1.137.938	1.218.749	0	0	443.195			415.130			
I	Huyện Nậm Pồ		201.310	201.310	201.310	0	0	69.244			62.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		201.310	201.310	201.310	0	0	69.244			62.000			
1	Đường Trung tâm huyện - Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	1195/QĐ-UBND 11/7/2022	39.950	39.950	39.950			13.550			10.000			
2	Nâng cấp đường Nà Khoa - Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ	1408/QĐ-UBND 13/8/2022	85.360	85.360	85.360			35.694			15.000			
3	Cầu bê tông qua suối Nậm Pồ đi xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1196/QĐ-UBND 11/7/2022	26.000	26.000	26.000			10.000			10.000			
4	Trung tâm Văn hóa huyện Nậm Pồ	1409/QĐ-UBND 13/8/2022	50.000	50.000	50.000			10.000			27.000			
II	Huyện Mường Ảng		153.310	153.310	158.406	0	0	59.131			53.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		51.400	51.400	51.400	0	0	27.779			21.790			
1	Dự án: Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Búng Lao, huyện Mường Ảng	1422/QĐ-UBND 14/8/2022	5.000	5.000	5.000			3.000			1.720			
2	Nhà hiệu bộ trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	2874/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			2.500			890			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Phòng học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Ảng	2875/QĐ-UBND 11/7/2022	3.400	3.400	3.400			1.400			1.980			
4	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ảng Cang	2876/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			1.000			2.400			
5	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Ảng Nưa	2877/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			1.000			2.450			
6	Xây dựng nhà lớp và các hạng mục phụ trợ học Trường Tiểu học Mường Lạn	2878/QĐ-UBND 11/7/2022	5.000	5.000	5.000			1.500			3.400			
7	Đường liên xã Ảng Nưa - Ảng Cang	2880/QĐ-UBND 11/7/2022	7.500	7.500	7.500			5.000			2.490			
8	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Mường Đăng đi xã Ngồi Cáy	2881/QĐ-UBND 11/7/2022	14.000	14.000	14.000			8.279			4.860			
9	Sửa chữa sân và các hạng mục phụ trợ khu trung tâm hành chính huyện (tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, TDTT của huyện)	2911/QĐ-UBND 13/7/2022	6.000	6.000	6.000			4.100			1.600			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		101.910	101.910	76.006	0	0	31.352			22.710			
1	Đường liên xã Nậm Lịch - Mường Lạn (Từ bản Lịch Cang, xã Nậm Lịch sang bản Huổi Lỵ, xã Mường Lạn)	2879/QĐ-UBND 11/7/2022	14.500	14.500	14.500			7.000			4.904			
2	Trường mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng	1410/QĐ-UBND 13/8/2022	34.000	34.000	34.000			7.852			12.210			
3	Đường liên xã Mường Đăng - Ngồi Cáy (từ bản Chan I đi Chan II, xã Mường Đăng đi Chan III, xã Ngồi Cáy)	1411/QĐ-UBND 13/8/2022	40.000	40.000	14.096			12.500			1.596			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng; cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ trường THPT Búng Lao	1424/QĐ-UBND 14/8/2022	13.410	13.410	13.410			4.000			4.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		0	0	31.000	0	0	0	0	0	8.500			
1	Trường tiểu học xã Ngồi Cáy	4250/QĐ-UBND 22/11/2022			12.500			0			3.000			
2	Phòng học bộ môn + nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngồi Cáy	4251/QĐ-UBND 22/11/2022			7.500			0			2.000			
3	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường PTDTBTTH bản Bua, xã Ảng Tờ	4252/QĐ-UBND 22/11/2022			6.000			0			2.000			
4	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Nậm Lịch	4140/QĐ-UBND 09/11/2022			5.000			0			1.500			
III	Huyện Tủa Chùa		143.753	143.753	174.263	0	0	56.154	0	0	59.000			0
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		48.753	48.753	48.753	0	0	25.154	0	0	21.760			
1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đê Dê Hu - Sinh Phình	1413/QĐ-UBND 13/8/2022	20.000	20.000	20.000			13.021			5.980			
2	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 14/8/2022	6.000	6.000	6.000			3.000			2.880			
3	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	1867/QĐ-UBND 10/8/2022	14.990	14.990	14.990			5.011			9.900			
4	Đầu tư xây dựng nhà lớp học và phòng học bộ môn, khu nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THCS và THPT Quyết Tiến	1416/QĐ-UBND 14/8/2022	7.763	7.763	7.763			4.122			3.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		95.000	95.000	95.000	0	0	31.000			35.740			
1	Đường giao thông bến thủy Huổi Trắng, Huổi Sô, Mường Lay	1412/QĐ-UBND 13/8/2022	30.000	30.000	30.000			2.000			9.100			
2	Tuyến đường Tả Sin Thàng - Páo Tinh Làng - Sáng Tở đi Sin Chải, Huổi Sô	1414/QĐ-UBND 13/8/2022	30.000	30.000	30.000			14.000			13.000			
3	Sân Vận động huyện Tủa Chùa	1415/QĐ-UBND 13/8/2022	35.000	35.000	35.000			15.000			13.640			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023							0						
(5)	Chuẩn bị đầu tư				30.510	0	0	0	0	0	1.500			
1	Nâng cấp tuyến đường Páng Dề (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo				1.800						500			
2	Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xá Phình)-Làng Sáng (xã Tả Sin Thàng)				8.500			0			300			
3	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun				14.010			0			400			
4	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sin Thàng và các bản lân cận				8.000			0			300			
IV	Huyện Mường Chà		140.000	140.000	150.500	0	0	66.133			59.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		40.000	40.000	40.000	0	0	20.000	0	0	19.100			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học và THCS Mường Tùng, xã Mường Tùng	1377/QĐ-UBND 10/8/2022	20.000	20.000	20.000			10.000			9.800			
2	Nâng cấp đường giao thông xã Huổi Lèng - xã Sá Tổng (Điểm đầu tuyến từ bản Ma Lù Thàng, xã Huổi Lèng - điểm cuối tuyến Phi 2, xã Sá Tổng)	1225/QĐ-UBND 13/7/2022	20.000	20.000	20.000			10.000			9.300			

72

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		100.000	100.000	100.000	0	0	46.133			36.900			
1	Nâng cấp đường giao thông Thị trấn Mường Chà - xã Na Sang (Điểm đầu từ QL12 thị trấn Mường Chà điểm cuối bản Huổi Xư, xã Na Sang)	1224/QĐ-UBND 13/7/2022	25.000	25.000	25.000			15.011			7.000			
2	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng, lớp học, nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THPT Mường Chà	1425/QĐ-UBND 14/8/2022	10.000	10.000	10.000			2.200			5.600			
3	Nâng cấp đường giao thông xã Na Sang - xã Mường Mươn (Điểm đầu tuyến từ bản Hín 1, xã Na Sang - điểm cuối tuyến bản Huổi Nhả, xã Mường Mươn)	1997/QĐ-UBND 14/7/2022	12.000	12.000	12.000			6.422			4.200			
4	Xây mới trường Mầm non Ma Thi Hồ, xã Ma Thi Hồ	1998/QĐ-UBND 14/7/2022	9.000	9.000	9.000			4.500			3.200			
5	Nâng cấp, sửa chữa trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng, xã Sá Tổng	1999/QĐ-UBND 14/7/2022	14.500	14.500	14.500			5.000			5.300			
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Huổi Mí, xã Huổi Mí	2000/QĐ-UBND 14/7/2022	11.000	11.000	11.000			5.000			4.200			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng xã Huổi Lèng	2001/QĐ-UBND 14/7/2022	9.500	9.500	9.500			4.000			3.900			
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nậm Nèn, xã Nậm Nèn	2002/QĐ-UBND 14/7/2022	9.000	9.000	9.000			4.000			3.500			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		0	0	10.500	0	0	0			2.700			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Mí, xã Huổi Mí	5047/QĐ-UBND 23/11/2022			10.500			0			2.700			

73

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
(5)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023		9.000	9.000	9.000	0	0	0			300			
1	Xây mới Trường mầm non Huổi Lềng, xã Huổi Lềng		9.000	9.000	9.000			0			300			
V	Huyện Điện Biên Đông		185.070	185.070	185.070	0	0	63.799	0	0	57.000			0
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		137.570	137.570	137.570	0	0	63.799			53.600			
1	Đường giao thông liên xã bản Tin Tộc A - Nậm Ma - Mường Ten (xã Pú Hồng) - Huổi Mì (xã Sam Kha)	1226/QĐ-UBND 13/7/2022	31.000	31.000	31.000			11.660			15.000			
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Na Hay - Tia Ghềnh - Háng Súa xã Tia Đình - xã Sam Kha	1227/QĐ-UBND 13/7/2022	31.000	31.000	31.000			14.300			12.600			
3	Đường giao thông liên xã bản Phá Khẩu - Phi Súa (xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông) - Phi Cao (xã Mường Nhà, huyện Điện Biên)	1228/QĐ-UBND 13/7/2022	19.000	19.000	19.000			7.000			9.000			
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Nà Nénh C (xã Pú Hồng) - Na Su - Chua Ta (xã Tia Đình)	1229/QĐ-UBND 13/7/2022	43.000	43.000	43.000			25.639			12.000			
5	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng và phòng học bộ môn, nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THPT Trần Can	1426/QĐ-UBND 14/8/2022	13.570	13.570	13.570			5.200			5.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		34.500	34.500	34.500	0	0	0			3.000			
1	Thủy lợi Na Ngừu xã Phi Nhừ (phục vụ dân bản Na Ngừu xã Phi nhừ và dân bản Pa Vạt xã Mường Luân) -126,8ha	2643/QĐ-UBND 22/11/2022	8.500	8.500	8.500			0			3.000			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		13.000	13.000	13.000	0	0	0	0	0	400			
1	Xây dựng trường Mầm non Pú Hồng, xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông		13.000	13.000	13.000			0			400			

74

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VI	Huyện Tuần Giáo		181.000	181.000	181.000	0	0	67.689			60.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		151.000	151.000	151.000	0	0	67.689			45.000			
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND 14/8/2022	65.000	65.000	65.000			38.689			10.000			
2	Đường liên xã Nà Sáy - Mường Khong	1428/QĐ-UBND 14/8/2022	26.000	26.000	26.000			9.000			10.000			
3	Trường PTDTBT tiểu học Khoong Hin	1429/QĐ-UBND 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			10.000			15.000			
4	Dự án xây mới nhà kỹ thuật cao TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			10.000			10.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		30.000	30.000	30.000	0	0	0			15.000			
1	Đường liên xã Rạng Đông - Nà Tông	2211/QĐ-UBND 02/12/2022	30.000	30.000	30.000			0			15.000			
(5)	Chuẩn bị đầu tư													
VII	Huyện Mường Nhé		133.495	133.495	168.200	0	0	61.045	0	0	65.130			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		118.995	118.995	118.995	0	0	61.045			55.690			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chung Chải số 2	820/QĐ-UBND 11/8/2022	14.995	14.995	14.995			10.000			4.990			
2	Nâng cấp, sửa chữa trường Phổ thông DTBT Tiểu học và THCS Sen Thượng đạt chuẩn quốc gia	1417/QĐ-UBND 13/8/2022	17.400	17.400	17.400			9.800			7.070			
3	Nâng cấp Quảng trường và vỉa hè trung tâm huyện Mường Nhé (tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao)	1419/QĐ-UBND 13/8/2022	35.000	35.000	35.000			18.045			15.700			

75

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Pá Mỹ	819/QĐ-UBND 11/8/2022	7.450	7.450	7.450			2.400			4.760			
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Leng Su Sin	821/QĐ-UBND 11/8/2022	14.200	14.200	14.200			4.700			9.410			
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Trần Văn Thọ	822/QĐ-UBND 11/8/2022	8.150	8.150	8.150			4.700			3.390			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Leng Su Sin	823/QĐ-UBND 11/8/2022	8.800	8.800	8.800			6.400			2.400			
8	Nâng cấp, sửa chữa trường Phổ thông DTBT THCS Mường Toong	824/QĐ-UBND 11/8/2022	13.000	13.000	13.000			5.000			7.970			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		14.500	14.500	14.500	0	0	0	0	0	8.540			
1	Đầu tư xây dựng nhà lớp học, khu nội trú và các HMPT trường THPT Mường Nhé	2212/QĐ-UBND 02/12/2022	14.500	14.500	14.500			0			8.540			
(5)	Chuẩn bị đầu tư				34.705	0	0	0	0	0	900			
1	Trường phổ thông DTBT tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm				19.355						400			
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Mường Toong số 1				8.150			0			300			
3	Nâng cấpTrường THCS Huổi Léch				7.200			0			200			

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo số 355/BC-UBND ngày 2 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022						
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG		208.445	146.507	146.507	-	-	29.790	-	-	108.080	-	-	
AA	TỔNG HỢP CHUNG		208.445	146.507	146.507	-	-	29.790	-	-	108.080	-	-	
A	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí xã		84.483	71.483	71.483	-	-	24.794	-	-	38.952	-	-	
I	Thành phố Điện Biên Phủ		28.417	15.417	15.417	-	-	10.694	-	-	4.723	-	-	
II	Huyện Điện Biên		31.412	31.412	31.412	-	-	10.777	-	-	17.166	-	-	
IV	Huyện Tủa Chùa		18.500	18.500	18.500	-	-	-	-	-	14.632	-	-	
V	Huyện Nậm Pồ		2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	1.600	-	-	
III	Thị xã Mường Lay		4.154	4.154	4.154	-	-	3.323	-	-	831	-	-	
B	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí cấp huyện		119.462	70.524	70.524	-	-	4.996	-	-	65.528	-	-	
I	Giao thông		42.662	29.863	29.863	-	-	-	-	-	29.863	-	-	
II	Thủy lợi		76.800	40.661	40.661	-	-	4.996	-	-	35.665	-	-	
C	Kế hoạch vốn thực hiện các Chuyên Đề, Chương trình và Đề án (Không quá 10% vốn giai đoạn 2022-2025)		4.500	4.500	4.500	-	-	-	-	-	3.600	-	-	
AB	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ													
A	Kế hoạch vốn giai đoạn 2022-2025		208.445	146.507	146.507			29.790			108.080	-	-	
A.1	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí xã		84.483	71.483	71.483			24.794			38.952	-	-	
I	Thành phố Điện Biên Phủ		28.417	15.417	15.417			10.694			4.723	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		15.417	15.417	15.417			10.694			4.723	-	-	
1	Đường nội đồng bản Nà Ngâm 1,2, xã Nà Nhạn	Số 1718/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	1.354	1.354	1.354			1.083			271			-
2	Đường giao thông bản Nà Láo, xã Nà Tấu	Số 1716/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.500	2.500	2.500			2.000			500			-
3	Đường giao thông bản Phiêng Ban, xã Nà Tấu	Số 1720/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	1.300	1.300	1.300			1.040			260			
6	Đường giao thông bản Bua (từ nút giao đường TL141 đến khu Nuôi trồng thủy sản), xã Mường Phăng	Số 1723/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.500	2.500	2.500			2.000			500			

Page 1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
7	Đường nội bản Che Cẩn, xã Mường Phăng	Số 1724/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	3.300	3.300	3.300			1.000		2.300				
8	Nhà đa năng xã Mường Phăng	Số 1721/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.463	2.463	2.463			1.970		493				
9	Đường giao thông bản Huổi Hẹ, xã Nà Nhạn	Số 1722/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.000	2.000	2.000			1.600		400				
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		13.000	-	-			-		-	-	-		
1	Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang		3.550											
2	Đường giao thông bản Hả, Xã Pá Khoang		4.500											
3	Đường giao thông bản Bó , Xã Pá khoang		4.950											
II	Huyện Điện Biên		31.412	31.412	31.412			10.777		17.166	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		14.064	14.064	14.064			10.777		3.287	-	-		
1	Đường bê tông ngõ xóm Thôn Hồng Cúm, bản Chiềng An, Thôn Đông Biên 1,2,3, bản Noong Ưng, bản Xôm, bản Sáng xã Thanh An	Số 2552/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	2.654	2.654	2.654			2.123		531				
2	Đường BT thôn Hợp Thành, Tân Lập, Trần Phú, thôn 24 xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Số 2553/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.604	1.604	1.604			1.283		321				
3	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, Bản Phú xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Số 2554/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	500	500	500			400		100				
4	Nhà văn hóa bản Cang; bản Chiềng Xôm; bản Cà Phê (Yên Cang 1) xã Sam Mứn	Số 2556/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.050	1.050	1.050			840		210				
5	Nhà thi đấu đa năng xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	Số 2557/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	2.000	2.000	2.000			1.300		700				
6	Đường vào nghĩa trang Yên Cang (từ đường trại giam vào nghĩa trang Yên Cang) xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	Số 2558/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	500	500	500			400		100				
7	Kiên cố kênh mương chính thôn Thanh Bình-Co Rôm, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Số 2559/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.504	1.504	1.504			1.000		504				
8	Đường ngõ xóm thôn Mỹ Hưng, trục bản Na Khếnh, Nâng cấp đường liên xã, bản Hồng Léch Cuông xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2560/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	838	838	838			670		168				
9	Kênh mương bản Hồng Léch Cuông đến cánh đồng bản Bó xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2561/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	980	980	980			784		196				
10	Nhà văn hóa bản Pa Pe; Thôn C4 xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2562/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	580	580	580			464		116				
11	Kênh mương nội đồng nối tiếp các bản xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	Số 2563/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.854	1.854	1.854			1.513		341				
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		17.348	17.348	17.348	-	-	-	-	-	13.879	-	-	(13.879)
1	Sửa chữa, nâng cấp cầu Thanh Hồng 10; sửa chữa nâng cấp cầu ông Luân xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên	Số 3665/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	1.616	1.616	1.616					1.616				
2	Sửa nâng cấp tuyến đường trục xã từ thôn Thanh Hà đến Na Khưa xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên	Số 3666/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	2.538	2.538	2.538					2.069				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022						
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
3	Nhà đa năng xã Pom Lót, huyện Điện Biên	Số 3667/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	2.000	2.000	2.000						2.000			Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
4	Rãnh dọc thoát nước bản Na Sang 1, Pả Bông, Hát Hẹ xã Núa Ngam, huyện Điện Biên	Số 3672/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	800	800	800						800			
5	Công thoát nước khe Huổi Kha Kim xã Núa Ngam, huyện Điện Biên	Số 3673/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	416	416	416						416			
6	Mở rộng nâng cấp khu nghĩa trang trung tâm xã Pom Lót, huyện Điện Biên	Số 3674/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	1.016	1.016	1.016						1.016			
7	Xây dựng Thủy lợi Na Hoi, bản Na Phay, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Số 3695/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.962	1.962	1.962						1.962			
8	Đường Nội thôn Pha Lay, Pha Thanh, Na Phay 1,2, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Số 3720/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	7.000	7.000	7.000						4.000			
IV	Huyện Tủa Chùa		18.500	18.500	18.500				-		14.632	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.500	18.500	18.500	-	-	-	-	-	14.632	-	-	
1	Nâng cấp đường liên thôn từ Kẽ Cãi - Từ Ngải 2 - Từ Ngải 1 - Háng Trờ		14.000	14.000	14.000									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
2	Nâng cấp đường liên thôn Đông phi - Háng Tơ Mang xã Mường Báng		4.500	4.500	4.500									
V	Huyện Nậm Pồ		2.000	2.000	2.000				-		1.600	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		2.000	2.000	2.000				-		1.600	-	-	
1	Nâng cấp Nước sinh hoạt bản Nam Dịch xã Chà Nưa	1951/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	2.000	2.000	2.000						1.600			
III	Thị xã Mường Lay		4.154	4.154	4.154				3.323		831	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		4.154	4.154	4.154				3.323		831	-	-	
1	Công trình: Các tuyến đường giao thông nội đồng NTM xã Lay Nưa	Số 531/QĐ-UBND ngày 8/8/2022	4.154	4.154	4.154				3.323		831			-
b	Các dự án khởi công mới năm 2023													
A.2.	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí cấp huyện		119.462	70.524	70.524				4.996		65.528	-	-	
I	Giao thông		42.662	29.863	29.863				-		29.863	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		42.662	29.863	29.863				-		29.863	-	-	
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Múm huyện Điện Biên		16.000	11.200	11.200									Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chân - Thanh Yên huyện Điện Biên		17.703	12.392	12.392									

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
7	Đường liên bản Na Khoang - Pha Thanh xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Số 3721/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	8.959	6.271	6.271					6.271				
II	Thủy lợi		76.800	40.661	40.661			4.996		35.665	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		39.800	14.761	14.761			4.996		9.765	-	-		
1	Kê bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Năm Cọ, huyện Điện Biên	Số 862/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	39.800	14.761	14.761			4.996		9.765				
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		37.000	25.900	25.900			-		25.900	-	-		
1	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn Vân Tân xã Noong Het đến bản Na Vai, xã Pom Lót, huyện Điện Biên		15.500	10.850	10.850									
2	Kiên cố kênh tưới, tiêu từ bản Na Khưa xã Thanh Chân đến suối Hồng Sòng xã Thanh Yên	Số 3723/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.500	9.450	9.450					9.450			Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép	
3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ bản Chiềng An xã Thanh An đến thôn Hồng Cúm xã Thanh An	Số 3724/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	8.000	5.600	5.600					5.600				
A.3.	Kế hoạch vốn thực hiện các Chuyên Đề, Chương trình và Đề án (Không quá 10% vốn giai đoạn 2022-2025)		4.500	4.500	4.500			-		3.600	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		4.500	4.500	4.500			-		3.600	-	-		
1	Điểm trưng bày giới thiệu, bán sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, nông sản, đặc sản vùng miền		3.000	3.000	3.000								Chưa có QĐPD, đề nghị phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục và được cấp có thẩm quyền cho phép	
3	Điểm quảng bá, giới thiệu sản phẩm hoa quả sạch và các sản phẩm OCOP		1.500	1.500	1.500									
B	Vốn chưa đủ điều kiện phân bổ													